TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH LINH** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2021
V/v: Ly hôn và giao nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hoan.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thái;
Bà Hồ Thị Thoa.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Văn Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Linh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại: Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức C, sinh năm: 1987; trú tại: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Q (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Võ Thị L; sinh năm: 1995; trú tại: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Q, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Đức C, trình bày:

- Về tình cảm: Anh C và chị Võ Thị L yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (xã V cũ), huyện V, tỉnh Q, vào ngày 12/3/2015. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, nhưng vài năm trở lại đây thường xảy ra mâu thuẫn với lý do: Tính cách không còn hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cải vã dẫn đến việc chị L

bỏ nhà đi một thời gian mới trở về. Mặc dù, anh C đã tìm mọi cách khắc phục để tiếp tục xây dựng cuộc sống hôn nhân nhưng tình trạng trên vẫn thường xuyên xảy ra. Nay, anh C nhận thấy tình cảm đã phai nhạt, cuộc sống chung giữa hai vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên anh C tha thiết xin được ly hôn với chị L để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh C và chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 12/02/2015. Vì cháu T còn nhỏ, thường hay bên mẹ nên khi ly hôn, anh C có nguyện vọng giao cháu T cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con: Anh C và chị L tự thoản thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Võ Thị L: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị L nhưng chị L không có mặt và cũng không có ý kiến gì. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập lần hai cho chị L đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng chị L vẫn vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của chị L tại Công an xã H, tiến hành lấy lời khai của trưởng thôn L, xã H, lời khai của bà P là mẹ ruột anh C nơi anh C, chị L sinh sống về tình trạng hôn nhân của anh C, chị L.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn anh nguyễn Đức C: Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Võ Thị L: Vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Tiến hành các thủ tục tố tụng cần thiết để nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đức C đối với chị Võ Thị L. Giao con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 12/02/2017 cho chị Võ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng và tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên Kiểm sát viên đề nghị không giải quyết. Về án phí: Nguyễn Đức C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Đức C có đơn yêu cầu xin ly hôn với chị Võ Thị L và yêu cầu giao nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy, đây là vụ án ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là chị Võ Thị L đang cư trú tại Thôn L, xã H, huyện V. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Võ Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; anh Nguyễn Đức C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C, chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Đức C và chị Võ Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (xã V cũ), huyện V, tỉnh Q, vào ngày 12/3/2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số 07). Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh C và chị L chung sống hạnh phúc, cùng nhau xây dựng gia đình, có với nhau 01 con chung sinh năm 2015, cùng nhau nuôi dạy, nhưng vài năm trở lại đây theo trình bày của anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn, lý do: Tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cải vã dẫn đến việc chị L bỏ nhà đi một thời gian mới trở về. Mặc dù, anh C đã tìm mọi cách khắc phục để tiếp tục xây dựng cuộc sống hôn nhân nhưng tình trạng trên vẫn thường xuyên xảy ra. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ chị L để tiến hành làm việc nhưng chị L vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì, chứng tỏ chị L bỏ mặc, không có thiện chí muốn khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai gia đình, hàng xóm, xác minh tại tại địa phương nơi anh C, chị L cư trú và sinh sống, kết quả: Vài năm trở lại đây, quá trình sinh sống tại địa phương, cuộc sống của hai vợ chồng anh C, chị L thường xuyên xảy ra cải vả, gây gỗ lẫn nhau, gây ảnh hưởng đến các gia đình xung quanh, chính quyền, đoàn thể đã nhiều lần can thiệp nhưng tình trạng vẫn không thay đổi. Chị L thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú nhưng quá trình sinh sống khi xảy ra mâu thuẫn với anh C thì chị L dẫn theo con chung rời địa phương một thời gian mới quay về.

Xét thấy, trình bày của anh C là phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, thực tế mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa anh C và chị L đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc anh C yêu cầu xin ly hôn đối với chị L là có căn cứ, phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung:

Anh C và chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 12/02/2015. Xét thấy, cháu T còn nhỏ tuổi thường hay theo mẹ là chị L và được chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên việc xem xét giao cháu T cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của các bên, phù hợp với nguyện vọng của anh C, cũng như quy định tại Điều 81, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các bên tự thỏa thuận, chưa ai yêu cầu.

Anh C, chị L có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật khi thấy cần thiết.

[4]. Về tài sản chung:

Anh C, chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí:

Đây là vụ án ly hôn, vì vậy nguyên đơn anh Nguyễn Đức C phải có nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đức C. Anh Nguyễn Đức C được ly hôn chị Võ Thị L.

[2]. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 12/02/2015 cho chị Võ Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Đức C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Đức C phải chịu số tiền: 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

là: 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000536 ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Anh Nguyễn Đức C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Đức C, chị Võ Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Viện kiểm sát Vĩnh Linh;
- UBND xã H;
- Chi cục Thi hành án DS Vĩnh Linh;
- Tòa án tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Đình Hoan